

Những lọ dầu Nhị Thiên Đường của mẹ

Phan Công Tôn

Tôi có một “văn phòng” ở trên lầu tại nhà tôi, một phòng nhỏ đặt hệ thống máy điện toán và máy in trên hai cái bàn dài ghép lại. Ngoài ra, trong phòng này còn có hai cái tủ có ngăn kéo để đựng hồ sơ, tài liệu và hai tủ sách (mỗi tủ cao hơn hai mét). Ngăn trên cùng của một trong hai tủ sách này, tôi chọn làm nơi thiết lập một “bàn thờ”. Trên “bàn thờ” có một bộ lu đồng nhỏ với nhang và đèn cầy (nhưng không bao giờ đốt ở đây) và bốn ảnh đóng khung của thân nhân trong gia đình (một của ba tôi, một của mẹ tôi, một của thân phụ bà xã tôi và một của hai vợ chồng người em gái bà xã tôi). Hằng năm, cứ vào khoảng 24, 25 tháng Chạp cho đến sau ngày mùng ba Tết, chúng tôi dời “bàn thờ” xuống phòng khách để “cúng” với hoa quả, trà, rượu và đốt nhang, thắp đèn cầy, v.v...

(Hình 1)



“Bàn thờ” nơi “văn phòng” của Tôn (trên lầu)

Trên bàn viết tại “văn phòng”, tôi có chung một tấm ảnh cỡ lớn, chụp chung với gia đình gồm ba mẹ và ba anh em trai chúng tôi. Trong ảnh, năm đó tôi khoảng hơn 11 tuổi, Nghiêm là em trai kế khoảng hơn ba tuổi và Trang khoảng hơn một tuổi (đang được ba bông). Gia đình tôi có tất cả chín anh em, trong đó có ba em gái. Tôi có một ông anh cả –lớn hơn tôi hai tuổi- và một cô em gái kế –nhỏ hơn tôi hai tuổi-, người anh cả và cô em gái kế tôi bị chết trong rừng, khi gia đình tôi chạy “tản cư” từ Đà Lạt xuống Phan Rang trong năm 1945 (khi Nhật lật đổ chính quyền đô hộ của Pháp tại Việt Nam).

Cho đến năm 1975, gia đình tôi có bốn anh em trai lớn nhất nhà là sĩ quan trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Trang –người em trai thứ năm- qua đời năm 1981 tại Đà Lạt sau khi được thả về từ các trại “tập trung cải tạo” của bọn cộng sản Việt Nam. Mỗi lần vào “văn phòng”, tôi thường đứng nhìn các ảnh trên “bàn thờ” hoặc tấm ảnh lớn tại bàn viết để tâm sự, để “nói chuyện”, đặc biệt với những người đã khuất! Khi gợi nhớ những kỷ niệm và thì thầm “nói chuyện” hoặc tâm sự với ba mẹ, tôi thường nói với mẹ lâu hơn, nhiều hơn. Tôi biết đây là một điều bất công đối với ba, nhưng trong tận cùng sâu thẳm của lòng mình, khi tự khẳng định tình thương của mình đối với ba mẹ, (vô hình chung) tôi đã có một chênh lệch rất lớn ngay từ khi hai người còn sống: tôi thương mẹ và dành tình thương cho mẹ nhiều hơn rất nhiều so với ba! Biết bao nhiêu lần, đứng trước “bàn thờ”, nhìn ảnh ba, sau khi “nói chuyện” xong, tôi ngỏ lời xin lỗi: “Con mong Cậu hiểu và thông cảm cho con vì sự bất công này, vì lúc nào con cũng thương Mẹ nhiều hơn”! Mẹ tôi gốc ở thành phố Vinh, Nghệ An; ba tôi gốc người Hà Tĩnh. Tôi được sinh ra ở Nghệ An và khi tôi chưa đầy một tuổi thì ba mẹ tôi vào sống ở Đà Lạt (từ năm 1941). Có lẽ từ khi mới tập nói trọ trẹ, mẹ tôi đã dạy cho tôi cách gọi tên ba mẹ bằng hai tiếng “Cậu, Mẹ” (chớ không phải: “Cậu, Mợ”), và cứ như thế, tôi gọi ba mẹ bằng “Cậu, Mẹ” từ khi mới biết nói cho đến suốt cả đời mình. Các em tôi thì khác hẳn, các em gọi ba mẹ bằng “Ba, Mẹ” từ tấm bé mà đi!

Năm 1985, từ Đà Lạt mẹ tôi được đưa vào bệnh viện Bình Dân ở Sài Gòn để chữa trị bệnh ung thư bao tử. Tôi thì đang sống nhờ với gia đình người anh nuôi ở Thị Nghè (khi được thả ra khỏi trại tù từ cuối năm 1984), nên có hơn một tháng được vào săn sóc mẹ mỗi ngày (và đêm) tại bệnh viện. Đây coi như là thời gian dài nhất tôi được gần mẹ trước khi mẹ qua đời vào năm 1989 (lúc đó tôi mới định cư ở Mỹ chưa đầy hai năm, sau vụ vượt biên từ Rạch Giá qua Thái Lan trong tháng giêng năm 1987).

(Hình 2)



Bàn thờ lập tại phòng khách vào mỗi dịp Tết

**

Tôi còn nhớ, năm tôi học lớp đệ Lục trường Phương Mai (tên Công Chúa, con của Cựu Hoàng Bảo Đại), thằng Phụ -bạn tôi- nhà ở Cầu Đất nhưng đang sống ở nhà tôi tại làng Xuân An, Đà Lạt để cùng đi học. Nhân ngày Vu Lan năm đó, nó hỏi đố tôi: có biết lễ Vu Lan là lễ gì không? Tôi ú ớ trả lời là không biết gì cả. Nó xài xê tôi một hồi rồi nói: “Mày thương mẹ lắm, sao không biết gì về lễ Vu Lan? Chắc từ nhỏ mày học trường Tây, mới qua trường Việt, nên không biết gì về mấy chuyện “điên cổ” này; để tao “giảng”

cho mày nghe!” Thế là, nó “lên lớp” cho tôi một thôi một hồi về ngày lễ Vu Lan: nào là ... sự tích liên quan đến Đại Mục Kiền Liên, gọi tắt là Mục Liên, quy y và trở thành đệ tử lớn của Đức Phật. Nào là ... Mục Liên có mẹ tên là Thanh Đề, lúc sống bà làm nhiều điều ác nên khi chết bị sa hỏa ngục. Mục Liên vận dụng huệ nhãn nhìn xuống nơi địa ngục A Tì, thấy mẹ mình đang bị đọa đày trong đói khát. Mục Liên vận dụng phép thần thông xuống thăm mẹ, hai tay dâng bát cơm lên hầu mẹ. Nào là ... Thanh Đề, tay trái bưng bát cơm, tay phải bóc com ăn, nhưng com chưa vào miệng đã hóa thành lửa. Mục Liên thương mẹ, than khóc thảm thiết rồi trở về bạch với Đức Phật để xin chỉ dạy cách cứu mẹ, v.v... Nào là ... Rằm tháng 7 Âm lịch hằng năm là ngày xá tội vong nhân hay ngày cúng cô hồn và cũng là ngày báo hiếu mà giới tăng ni Phật tử gọi là ngày lễ Vu Lan ...

Nghe câu chuyện kể, tôi ghim bụng vì thấy hay hay, là lạ và đặc biệt lễ Vu Lan năm đó, Phụ đưa tôi đến nhà chị Thành (chị ruột của Phụ). Chị Thành đang ở chung nhà với vợ chồng anh Café Tùng để đi làm y tá cho một bác sĩ, có phòng mạch trên đường Tăng Bạt Hổ. Vì nhà anh Café Tùng ở cuối đường Hàm Nghi nên ba chị em rủ nhau đi bộ qua chùa để dự lễ Vu Lan. Đây là lần đầu tiên trong đời, tôi được biết về ý nghĩa của lễ Vu Lan và được dự lễ này tại chùa Linh Sơn, Đà Lạt.

Về sau, khi đã lớn rồi, tôi vẫn thắc mắc và đặt câu hỏi qua chuyện Mục Liên Thanh Đề và lễ Vu Lan? Trọng tâm của chuyện này là việc báo hiếu cho mẹ. Còn cha? Sao không có câu chuyện nào là nền tảng để làm lễ báo hiếu cho cha? Hay lễ Vu Lan là lễ báo hiếu chung cho cả cha lẫn mẹ? Khi sống trên đất Mỹ rồi, tôi thấy có sự “đề huê”: người ta có cả The Mother’s Day và The Father’s Day! Tôi ghi nhận được một vài dấu mốc lịch sử của hai ngày lễ này như sau:

The Mother’s Day: Dựa vào những đề nghị của Anna Jarvis ở West Virginia, khi thân mẫu bà qua đời vào năm 1905, bà Anna đề nghị chính quyền địa phương qui định những nghi thức làm lễ ghi nhận công ơn của những người mẹ. Ý kiến này được mọi người áp dụng trong những năm của thập niên 1910. Cho đến ngày

8 tháng 5 năm 1914, Tổng Thống Woodrow Wilson (T.T. thứ 28 của Hoa Kỳ), ban hành nghị quyết định rõ **The Mother's Day là ngày Chủ Nhật thứ 2 của tháng Năm (the second Sunday of May)** hằng năm, đó là ngày lễ trong toàn quốc để ghi ơn và vinh danh những người mẹ.

The Father's Day: Bà Sonora Louise Smart Dodd ở Spokane thuộc tiểu bang Washington, mẹ bị chết khi sanh em bé, năm đó bà Sonora mới 16 tuổi. Thân phụ của bà là ông William Jackson Smart (một cựu chiến binh thời nội chiến Hoa Kỳ), phụ trách nuôi đứa con sơ sinh và năm đứa con kia với trọn tình thương và trách nhiệm của một người cha. Noi theo gương bà Anna Jarvis ở West Virginia, bà Sonora đã vận động phong trào thành lập ngày lễ đề cao công đức và vinh danh những người cha. Kết quả là, thành phố Spokane tổ chức The Father's Day đầu tiên trong ngày 19 tháng 6 năm 1910. Phong trào tổ chức The Father's Day được nâng cao qua một số các tiểu bang khác, nên Tổng Thống Woodrow Wilson chấp thuận ý kiến này trong năm 1916. Rồi đến Tổng Thống Calvin Coolidge (T.T. thứ 30) cũng yểm trợ ý kiến này để thành lập The Father's Day toàn quốc từ năm 1924. Sau những khó khăn kéo dài qua bốn thập niên, Tổng Thống Lyndon Johnson (T.T. thứ 36) trong năm 1966, đã ký sắc luật công bố The Father's Day nhằm vào ngày **Chủ Nhật thứ 3 của tháng Sáu (the third Sunday of June)**. Đến năm 1972, Tổng Thống Richard Nixon (T.T. thứ 37) qui định The Father's Day là **ngày lễ kỷ niệm thường trực của quốc gia**, và vẫn giữ ngày **Chủ Nhật thứ 3 của tháng Sáu**.

Khi đọc lại “lịch sử” của The Mother's Day và The Father's Day để viết bài, tôi bật cười vì ghi nhận được một đôi điều ngộ nghĩnh nơi cái xứ “văn minh” này: đúng là cái xứ Ladies First! Từ năm xưa năm xưa, các “bà” phải tìm ra cho bằng được “ngày của các bà”, do đó mới “đẻ” ra cái The Mother's Day! Đàn ông xứ này chỉ có nước “ăn theo” mà thôi. Mãi tới mấy thập niên sau, bọn đàn ông mới vót vát “chộp” được cái The Father's Day, thế là “phe ta” có phen mừng hùm! Còn việc ấn định thời gian chính thức cho hai ngày lễ kỷ niệm này, đọc thấy mà “ứa gan” (hông nói hông được)!

Các bà cứ đòi đi trước, cứ đòi Ladies First; thôi thì cho các bà chọn tháng trước đi: các bà bèn “chụp” cái tháng Năm, rồi “dí” cho bọn đực rựa cái tháng Sáu. Trước cả một tháng rồi mà vẫn chưa hài lòng. “Vồ” được cái ngày Chủ Nhật thứ 2 trong tháng Năm rồi, thì cho bọn đực rựa ngày Chủ Nhật thứ 2 trong tháng Sáu đi. Không! Tính tới tính lui, phải “dí” “mấy chả” vào ngày Chủ Nhật thứ 3 trong tháng Sáu, để “bà” được “chơi trước” một tháng và một tuần thì “bà” mới ... chịu cơ! Đúng là cái xứ văn minh, các bà cứ chơi trội, quá trội! Còn bọn đực rựa có miệng mà chẳng thốt nên lời, chỉ biết ngậm bồ hòn làm ngọt, và đành “nằm nín khe” để cho các bà tha hồ ... “chơi gác”!

**

(Hình 3)



*Ảnh gia đình: Ba mẹ và ba cậu con trai
Ba bông bé Trang. Tôn đứng bên trái. Bên phải là Nghiêm.*

Trở lại câu chuyện của các bà mẹ Việt Nam (đồng lứa tuổi với mẹ tôi hoặc lớn hơn): thưở ấy các bà khi ra đường còn không dám đi ngang hàng với chồng mình thì làm gì biết (và ngay cả dám “nghĩ đến” –chứ đừng nói “dám đòi”-) Ladies First. Mẹ tôi là một người đàn bà điển hình qua cung cách quê mùa, nhút nhát, thiệt thà nhưng rất ư là đôn hậu. Năm 1945, sau mấy tháng chạy “tản cư” xuống Phan Rang, khi “hồi cư” về Đà Lạt mẹ tôi bắt đầu bán “la ghim” (légumes tiếng Pháp=rau cải) tại chợ Đà Lạt (chợ cũ, về sau mới đặt tên là chợ Hòa Bình). Khi chợ “Đà Lạt Mới” được thành lập, mẹ tôi có được một “sạp” bán rau cải lớn hơn. Mẹ tôi phải mua rau từ ấp Tân Lạc (cách làng Xuân An khoảng hơn hai cây

số), gánh về nhà buổi chiều và sáng hôm sau, gánh ra chợ bán (chợ cách nhà khoảng hơn một cây số). Về sau, mẹ tôi “mua khoán” một số “lô” rau cải (trả tiền “mua khoán” khi rau cải còn non – coi như mình là sở hữu chủ các “lô” này-, khi rau cải đủ già thì hái, búng đem ra chợ bán); lô “mua khoán” này thường thường thì kiếm được lời nhiều hơn nhưng đôi khi cũng bị lỗ nếu mùa màng bị thất thu! Gia đình tôi thường xuyên mượn các chị người làm, ở nhà lo cơm nước, việc nhà, lo cho mấy anh em chúng tôi và phụ mẹ gánh rau ra chợ. Về sau, mẹ tôi ngoài việc bán rau ngoài chợ, còn phụ trách bán “bỏ mối” rau cải (như kiểu một “hợp tác xã” nhỏ) cho các tỉnh và thành phố khác như Phan Rang, Nha Trang, Biên Hòa, Sài Gòn, v.v... Vì công việc buôn bán, mẹ tôi phải “đầu tắt mặt tối” quanh năm, mỗi năm chỉ được nghỉ vào tối 30 và trọn ngày mùng một Tết. Và suốt đời, mẹ chỉ được “off” ngắn ấy ngày mà thôi!

Ba tôi thì ngược lại, làm công chức cho Ty Thủy Lâm Đà Lạt, bảnh trai, tốt bụng, có lối sống rất “Tây” và tánh tình rất là hào phóng. Ba thì lúc nào cũng “diện” “còm lê cà vạt” và “xức dầu thơm” và dĩ nhiên, chẳng bao giờ ngó ngang gì đến công việc của mẹ. Lúc nhỏ, tôi thấy ba thường có những chai dầu thơm dềm dẹp để trong túi các áo veste với các hiệu như Chanel No.5, Lancome, Guerlain, v.v... Mẹ thì rất “ưa gan” về vụ ba thường xức dầu thơm nên lâu lâu “tảo thanh”, gom các “ve” dầu thơm này đem “đi dứ” (hỏi thì mẹ nói như vậy). Nhiều lần tôi nói với mẹ: “Mẹ gom dầu thơm của Cậu “đi dứ” thì Cậu lại đi mua vài “ve” khác, đâu có ích lợi gì, chỉ thêm hao tiền nhà mà thôi!” Mẹ tôi nguýt nguýt vài cái, như đang cố tìm “giải pháp” khác: nếu không đem “đi dứ” thì có cách chi làm cho mấy “ve” dầu thơm “khó ưa” ni ... “biến mất” hay không???!!!

Sau này ra đời, lớn khôn hơn, nhìn lại quãng đời ba tôi đã sống, tôi (hầu như) khẳng định: ba tôi thuộc loại “dân chơi xứ lạnh thứ thiệt”! Ông được khá nhiều các bà, các cô theo “tán” và trong đời, ông (lần lượt) có đến hai bà vợ bé. Một lý do để “bào chữa” là vì ông phải đi làm xa nhà trong nhiều năm, có khi lên tận Ban Mê Thuột, có khi ra tận ngoài Bông Sơn (Bình Định). Mẹ tôi thì

lúc nào cũng vậy: thương chồng và hầu chồng đúng nghĩa của một người vợ trung hậu, đảm đang. Anh em chúng tôi chưa hề thấy mẹ gầy gò, cãi cọ hay to tiếng với ba bao giờ. Mẹ lúc nào cũng ăn nói nhỏ nhẹ, ngay cả những khi đang trong tình trạng “căng thẳng” đối với ba! Khi nào giận lắm, ba nói gì thì nói, mẹ chỉ làm thinh rồi nhìn các con nguýt ngẩn nguýt dài vài cái, như muốn diễn đạt và chia sẻ sự bất mãn trong lòng mình, và chỉ có thế! Khi không có ba ở nhà, những lúc có chuyện gì buồn, mẹ thường tìm đến các con để thủ thủ tâm sự. Các con là mục tiêu để mẹ “xổ bầu tâm sự” khi mẹ thấy buồn và cô đơn; còn hơn thế nữa: các con là cái phao, là điểm tựa, là niềm vui, là hạnh phúc của mẹ! Riêng cá nhân tôi, tôi gần gũi với mẹ nhiều hơn ba, có nhiều kỷ niệm với mẹ nhiều hơn đối với ba và thương mẹ nhiều, thật nhiều hơn thương ba...

Về kỷ niệm đối với mẹ thì nói sao cho hết, viết mấy cho vừa! Ở đây, qua bài viết này, tôi chỉ ghi lại một câu chuyện, coi như một kỷ niệm có liên quan đến mẹ và sinh hoạt của tôi trong những năm tháng tôi còn đi hành quân qua các đơn vị tác chiến.

**

Mẹ tôi hầu như suốt đời không biết uống thuốc tây, nếu có, chỉ uống một đôi lần (khi bị ba và các con “ép” phải uống!). Ở nhà, ba tôi có mua trữ một số thuốc tây thường dùng, đựng trong một hộp tử (khi nhà chưa có tủ thuốc tây) và dĩ nhiên mẹ tôi không thèm “đếm xỉa” gì đến các hũ thuốc tây này! Khi nào mẹ bị các chứng đau hay bệnh như chóng mặt, nhức đầu, sổ mũi, cảm cúm, đau bụng, đau lưng, nhức mỏi tay chân, rêm mình rêm mảy, v.v... mẹ đều “tự chuyên trị” bằng ... dầu Nhị Thiên Đường. Suốt bao nhiêu năm trường, buôn bán hùng hục quanh năm, tôi chưa bao giờ thấy mẹ “lấy” một ngày “nghỉ bệnh”! Đó là lý do tại sao tôi thường nghe mẹ “quảng cáo” rất ư là nhiệt tình: **“Dầu Nhị Thiên Đường coi rứa mà trị bá bệnh đó con!”**

(Hình 4)



Những lọ dầu Nhị Thiên Đường gợi nhớ về mẹ

Năm chưa đầy 20 tuổi, tôi rời “quê” Đà Lạt để đi vào quân trường: Khóa 9 Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức. Sau hơn 13 tháng huấn luyện, khi mãn khóa tôi tình nguyện gia nhập Thủy Quân Lục Chiến và trình diện Tiểu Đoàn 3/TQLC vào dịp lễ Giáng Sinh 1960. Thế là từ đó, cứ liên miên tham dự hành quân ... mút chỉ cà tha! Là lực lượng tổng trừ bị nên các đơn vị TQLC phải đi hành quân trên khắp “bốn Vùng Chiến Thuật” (chúng tôi đi –thật sự- từ vùng gần sông Bến Hải cho đến tận mũi Cà Mau -đúng chữ và nghĩa của nó-, chứ không phải dùng chữ “bốn Vùng Chiến Thuật” như kiểu “thời thượng” hay “hư cấu”!)

Vì ít khi có phép về thăm nhà, nên tôi thường xuyên viết thư về để gia đình được yên tâm. Qua thư tôi, tên các quận, các tỉnh, các thành phố (trong vùng tôi đang hành quân) cứ thường xuyên thay đổi xoành xoạch! Mẹ tôi ở nhà lo ghê lắm, chẳng biết tôi đang ở đâu qua các địa danh lạ lẫm mà mẹ chưa biết hoặc chưa nghe ai nói đến bao giờ! Mỗi lần biết tôi đang “ở” một “chỗ mới” nào đó, mẹ thường thắc mắc và than thở với các em tôi: “Mạ lần theo đường anh tụi con đi mà muốn bã hơi tai. Không biết anh tụi con mần cái chi mà cứ đi tam phương, tứ hướng sa đà như rùa!”

Một lần có phép về thăm nhà, nghe các em thuật lại: các em dầu không cho mẹ biết tôi đang phục vụ trong đơn vị tác chiến và phải đi ... “đánh giặc”! Khi nào nhận được thư tôi, nếu tôi có nói gì liên quan đến một cuộc hành quân nào đó hoặc kể lại thời gian sau khi tôi xuất viện, v.v... Các em tôi “ém” hết các thư này, không cho mẹ biết vì sợ mẹ thêm lo! (Những lần tôi bị thương, tôi không báo tin cho gia đình biết, chỉ sau khi xuất viện và trở lại đơn vị để tiếp tục đi hành quân, tôi mới kể lại sơ sơ, coi như mọi việc đã rồi vậy mà!) Chỉ có một lần duy nhất, khi tôi bị thương nặng lần thứ tư ở Tây Ninh vào cuối năm 1968; phải vào nằm bệnh viện Cộng Hòa, sau một thời gian, chuyển về bệnh viện Lê Hữu Sanh, Thị Nghè, rồi trở lại Cộng Hòa (tổng cộng trong vòng 5 tháng) và phải giải phẫu phổi hai lần. Người anh (con bà cô ruột, có nhà ở Dakao, Sài Gòn) báo tin về Đà Lạt; ở nhà không dám dầu mẹ, nên mẹ có xuống thăm tôi trong bệnh viện vài hôm.

**

Sau những ngày tôi có phép về thăm nhà, khi trở lại Sài Gòn, lúc nào mẹ cũng “giành” hoặc “đòi” đi cùng với các em để tiễn tôi đi. Thuở đó, khi nào đường bộ an toàn thì tôi đi, về bằng xe đò; nếu không, thì đi bằng Air Viet Nam. Nếu đi bằng xe đò, thì mẹ đưa tôi ra bến xe: bến xe cũ phía sau dãy nhà đằng sau chợ Hòa Bình. Sau này bến xe mới dời xuống phía Đông ấp Ánh Sáng (dưới đò phía trước rạp Ciné Eden). Còn nếu đi bằng Air Viet Nam, thì mẹ đưa ra Cosara (công ty chở hành khách đi Air Viet Nam từ Đà Lạt xuống phi trường Liên Khàng). Thời gian đầu, Cosara và văn phòng Air Viet Nam ở căn phố gần bên hông chợ Đà Lạt (cũ), mấy năm sau dời về khu Hôtel du Parc (trên đường Yersin, gần Bưu Điện và Nhà Thờ Con Gà). Trước khi chia tay, tôi thường ôm choàng lấy mẹ và hôn lên má của mẹ. Má của mẹ ửng hồng lên, không biết vì sung sướng hay vì “mắc cỡ? (vì có nhiều người chung quanh). Và lần nào cũng vậy: đó là lúc mẹ “dúi” vào tay tôi hai lọ dầu Nhị Thiên Đường và lập lại điệp khúc muôn thuở: **“Dầu Nhị Thiên Đường coi rửa mà trị bá bệnh đó con!”**

Một lần, ngồi trên xe (trên đường xuống phi trường Liên Khàng), sờ vào túi quần, chạm phải hai lọ dầu Nhị Thiên Đường

mẹ mới cho; bây giờ tôi như sực tỉnh và bắt đầu rom róm nước mắt: tôi khóc vì thương mẹ! Càng thương mẹ hơn vì tôi đang bị day dứt với nỗi hối hận đang tràn ngập trong lòng: mẹ cho thì tôi giữ đó nhưng có bao giờ tôi chịu xài mấy cái lọ dầu “nhà quê” này đâu! Lúc nào tôi cũng chê rậm rề: dầu Nhị Thiên Đường sao mà nông và hôi quá! (Dĩ nhiên, tôi không dám chê trước mặt mẹ).

Tôi cạo râu và thoa Aftershave mỗi ngày. Về sau, có lẽ bị thắm đờn vì câu “cha nào con nấy”, nên tôi bắt chước cái “xí xọn” của ba và tôi cũng “chơi” dầu thơm như ba. Và bắt đầu từ năm 1964, sau khi đi thụ huấn quân sự ở Mỹ trở về, tôi lại càng “chơi” dầu thơm xôm hơn, với những loại đắt tiền hơn. Tôi đã “chơi” dầu thơm ... “tới bến”!

Nhớ lại lần đơn vị sắp đi hành quân lên vùng cao nguyên, một chú đệ tử ruột ghé nhà tôi ở (nhà thuê gần chợ Thủ Đức) để gom đồ đạc cần thiết đem theo hành quân vào ngày hôm sau. Khi thấy có nhiều lọ dầu Nhị Thiên Đường trong một học tử, chú ấy hỏi, tôi phải kể lại về lai lịch những lọ dầu này. Chú ấy nói, những lọ dầu này rất cần và rất quý khi đi hành quân, rồi đề nghị: “Ông thầy để em đem theo một mớ, khi cần thì có mà xài”. Vì nể tình chú đệ tử, tôi gật đầu đồng ý cho có lệ vậy thôi! Đã mấy năm rồi, từ ngày mẹ cho những lọ dầu Nhị Thiên Đường này, tôi chưa hề xài lần nào cả, nên cứ dôn chúng trong học tử. Mặc dù chê tới chê lui nhưng tôi không nỡ liệng bỏ đi, vì đó là những món quà gói ghém tình thương của mẹ! Đây là lần đầu tiên những lọ dầu được đem theo trong lần đơn vị hành quân trên vùng Pleiku chuyển này. Khoảng hai tuần sau, đơn vị được điều động lên vùng Kontum. Mấy ngày sau lại tiếp tục hành quân vùng Tân Cảnh và Dak To (phía Bắc của Kontum).

Tôi bị cảm nặng khi đang ở trong vùng rừng núi Dak To. Một đêm dừng quân trên núi, chú đệ tử mới lấy dầu Nhị Thiên Đường ra “trị” cho tôi. Mới đầu thì cho trùm mền ở thế ngồi, rồi chú mới bắt đầu “ra tay”: chà dầu vào hai bên màng tang rồi dùng bàn tay xát mạnh, quẹt dầu nơi hai lỗ mũi (thậm chí còn ngoáy vào bên trong), bắt tôi phải liếm dầu (lấy ngón tay quẹt dầu rồi bôi vào lưỡi), thoa dầu nơi cuống họng và đằng sau ót, thoa dầu và xát

mạnh nơi vùng ngực. Sau đó, bắt nằm úp xuống, xoa dầu hai bên vai, toàn bộ vùng lưng và xương sống rồi bắt đầu thoa bóp. “Pha” cuối cùng là “pha” cạo gió bằng đồng xu. Gần một tiếng đồng hồ, chú đệ tử dùng tôi như một “con vật thí nghiệm” qua các động tác: xoa, xát, ấn, bóp, đè, giật, kéo, chặt, cạo, vuốt, v.v... Ngoài cái đau ra, tôi còn có thêm cái cảm giác đang bị bầm dập, đang bị te tua! Như muốn có được sự hỗ trợ về mặt tâm lý, tôi nhớ lại câu mẹ thường đề cao và “quảng cáo”: **“Dầu Nhị Thiên Đường coi rứa mà trị bá bệnh đó con!”** Càng yên tâm hơn, khi lâu lâu nghe chú đệ tử thủ thủ bên tai như để vổ về: “Ông thầy ráng chịu đau một chút, qua đêm nay thôi, sáng ngày mai ông thầy lại thấy ‘khỏe re’ liền hà!” Tôi nằm im im trong mùi nồng nặc (và rất khó chịu) của dầu Nhị Thiên Đường đang tỏa ngạt cả cái lều và ngủ thiếp đi lúc nào không hay ... (Về sau, khi được nghe kể lại, tôi mới biết: chú đệ tử của tôi là một tay cạo gió thuộc loại ... nhà nghề!)

Sáng hôm sau thức dậy, tôi thấy trong người nhẹ nhõm. Sau khi ăn vội chén cháo rồi lè lẹ lo “cụ bị” để tiếp tục hành quân. Để cho chắc ăn, chú đệ tử thoa thêm cho tôi một ít dầu Nhị Thiên Đường lên hai màng tang, nơi mũi và cuống cổ, v.v...trước khi xuất phát. Hôm đó, đơn vị của tôi có đụng độ với Việt cộng (nhẹ thôi) và tôi vẫn điều binh, vẫn trèo đèo lội suối một cách bình thường như những ngày hành quân khác. Cái lạ lùng và thích thú nhất đối với tôi (đúng như lời chú đệ tử đã nói đêm qua) là: tôi được “khỏe re” trở lại, như thời gian trước khi bị bệnh. Tự dưng, tôi có một ý nghĩ vui vui bật ra trong đầu: nếu có thẩm quyền, tôi sẽ đề nghị “ân thưởng” cho “Nhị Thiên Đường” một cái “huy chương” qua “chiến công” rành rành: đã thật sự đánh bại “quân Cẩm Cúm”!

Từ đó trở đi, tôi không còn dám chê (như đã từng chê rậm rề): dầu Nhị Thiên Đường là loại dầu “nhà quê”, loại dầu gì mà nồng quá, hôi quá! Biết bao nhiêu cuộc hành quân sau này, từ vùng cao nguyên xuống đến vùng duyên hải, hay đi ra miền Trung, hay vào vùng đồng bằng trong miền Nam, hoặc vùng sinh lầy tận dưới mũi Cà Mau, v.v... Đi đâu thì tôi cũng đem theo vài lọ dầu, coi như là vật phòng thân, là vật yểm trợ tinh thần, là lá bùa hộ mệnh

khi đau ốm. Và (hình như) tôi đã “ghiền” được cạo gió bằng dầu Nhị Thiên Đường từ lúc nào ... mà không hay!

Về sau, mỗi lần chuẩn bị cho cuộc hành quân kế tiếp, không cần các chú đệ tử “nhắc tuồng”; tôi tự động gom vài lọ dầu Nhị Thiên Đường bỏ vào trong ba lô của mình với một cung cách thật là nâng niu và trân quý. Trên đường hành quân, tôi mang ba lô trên vai như đang ấp ủ và gói trọn tình thương dành cho mẹ!

Và bên tai, tôi như đang nghe lại cái giọng nói quê mùa nhưng thân quen và ắp đầy tình yêu thương của mẹ: **“Dầu Nhị Thiên Đường coi rứa mà trị bá bệnh đó con!”**

Phan Công Tôn